

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN**

Số: 832/GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hóc Môn, ngày 09 tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về phân công công tác Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn khóa XI, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 5579/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 về phân công công tác Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn khóa XI, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về ủy quyền cho Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện thực hiện một số nhiệm vụ, công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện;

Căn cứ kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp in Tài chính” tại Lô A1-A2 Đường A, Cụm Công Nghiệp Nhì Xuân, Ấp 25, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn (được thành lập theo Quyết định số 15/QĐ-UBND-TNMT ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn) tại cuộc họp Đoàn kiểm tra ngày 08 tháng 01 năm 2025;

Xét Văn bản số 04/CV-ITC ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải trình, chỉnh sửa Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh”;

ar

Minh - Xí nghiệp in Tài chính” của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh tại Lô A1-A2 Đường A, Cụm Công Nghiệp Nhị Xuân, Ấp 25, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản số 08/CV-ITC ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp in Tài chính” của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh tại Lô A1-A2 Đường A, Cụm Công Nghiệp Nhị Xuân, Ấp 25, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Hóc Môn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ tại số 77 Trần Nhân Tôn, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp in Tài chính” tại Lô A1-A2 Đường A, Cụm Công Nghiệp Nhị Xuân, Ấp 25, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp in Tài chính.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A1-A2 Đường A, Cụm Công Nghiệp Nhị Xuân, Ấp 25, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số: 0300507182, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 12 năm 2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0300507182-001, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 26 tháng 02 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.4. Mã số thuế: 0300507182-001.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: In ấn.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

a) Diện tích: Tổng diện tích đất: 12.205,0 m² (theo nội dung trình bày tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của chủ cơ sở; hợp đồng thuê lại đất số 16/HĐ-CCNNX ngày 03 tháng 08 năm 2010 giữa Ban quản lý Cụm công nghiệp – Khu dân cư đô thị mới Nhị Xuân và Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB694272 (số vào sổ cấp GCN: CT02129) do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19 tháng 08 năm 2010; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số BB694271 (số vào sổ cấp GCN: CT02128) do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19 tháng 08 năm 2010).

- Công trình chính:

+ Khối Nhà xưởng sản xuất: 1 tầng (tầng trệt + tầng lửng + mái tôn), móng cọc, khung sườn BTCT, vì kèo thép, mái lợp tôn. Chiều cao công trình 13,80m (từ nền sân đến đỉnh mái công trình). Tổng diện tích sàn xây dựng 5.650,00 m² bao gồm: tầng trệt (sảnh, xưởng sản xuất): 3.360,00 m², tầng lửng (sảnh, xưởng sản xuất): 2.290,00 m².

+ Khối Nhà văn phòng - phục vụ: 2,5 tầng (tầng trệt + tầng 2 + tầng áp mái), móng cọc, khung sườn BTCT vì kèo thép, mái lợp tôn. Chiều cao công trình: 12,00m (tính từ nền sân đến đỉnh mái công trình). Chiều cao các tầng: tầng 1 (trệt) cao 3,50m, tầng 2 cao 3,00m, tầng áp mái cao 3,30m. Diện tích sàn xây dựng: 1.722,00 m².

(Theo nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của chủ cơ sở).

- Các công trình phụ:

Nhà bảo vệ, trạm điện, trạm bơm, nhà xe nhân viên, nhà xe công nhân, nhà vệ sinh, hệ thống cung cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống điều hòa không khí, hệ thống thông tin liên lạc; công trình bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý khí thải, khu vực lưu chứa chất thải nguy hại, khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt) (theo nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở).

b) Nhóm dự án: Cơ sở có tiêu chí phân loại nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024 (cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư dưới 120 tỷ đồng).

c) Cơ sở có tiêu chí về môi trường thuộc danh mục dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại số thứ tự 2, mục II, Phụ lục V Phụ lục sửa đổi, bổ sung một số Phụ lục của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

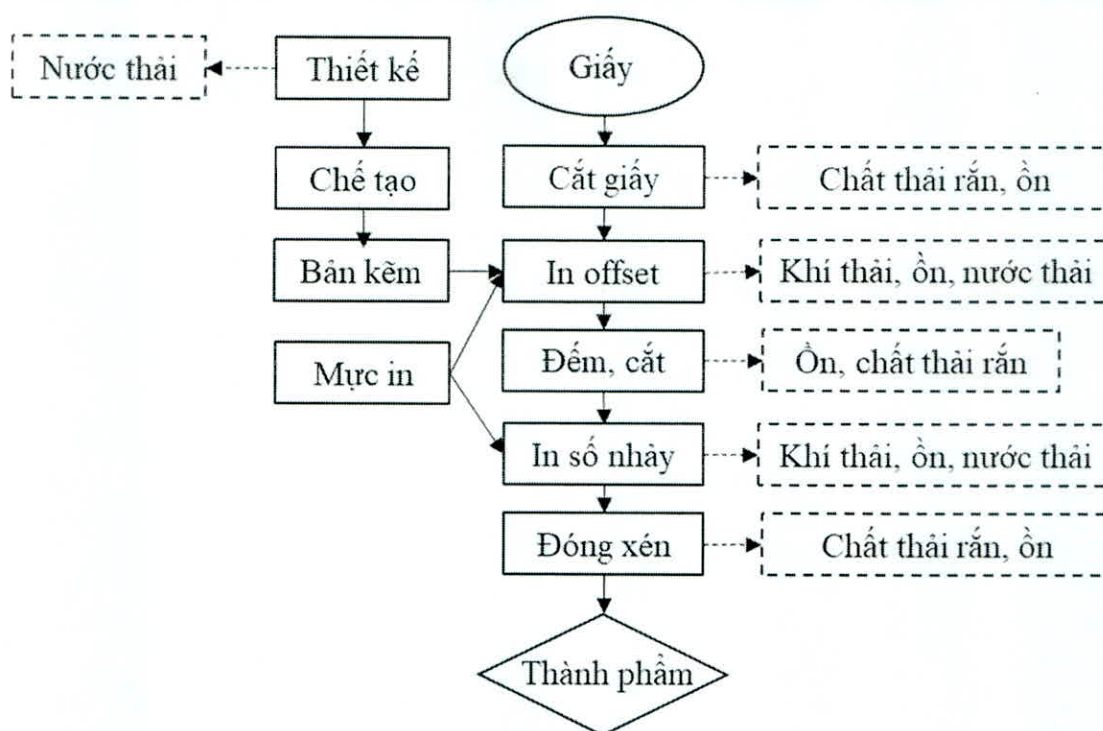
d) Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất:

- Công suất: 3.240.000.000 sản phẩm/năm.

(Theo nội dung trình bày tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường).

- Số lượng người làm việc tại cơ sở: 237 người.

- Quy trình công nghệ sản xuất:



(Theo nội dung trình bày tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của chủ cơ sở).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước

thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Giấy phép môi trường này được cấp cho Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh, kèm theo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải đối với hoạt động của cơ sở; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Chủ cơ sở thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch có liên quan, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; thực hiện hoàn tất thủ tục đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, pháp luật về xử lý, sắp xếp nhà, đất, tài sản,... (nếu có) đối với địa điểm hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Giấy phép môi trường có thể chấm dứt trước thời hạn trên theo kết quả giải quyết, xử lý có liên quan của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp Giấy phép môi trường có nội dung thay đổi hoặc Giấy phép môi trường hết hạn, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và quy định khác liên quan.

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện phối hợp Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- TT.UBND huyện: CT, PCT/ĐT (để báo cáo);
- P.NN và MT huyện: TP, PTP/MT;
- UBND xã Xuân Thới Sơn;
- VP.HĐND và UBND huyện: CVP, PCVP/ĐT;
- Lực lượng TNXP Thành phố;
- Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cổng Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT (01b), P.NNMT (01b), L.Tuyền.09.

**TUQ.CHỦ TỊCH
TRƯỞNG PHÒNG
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**



Dương Văn Phúc

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 832/GPMT-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Cơ sở thuộc trường hợp có đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm Công nghiệp Nhị Xuân đã có hợp đồng/văn bản thỏa thuận xử lý nước thải:

Thỏa thuận đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của Cụm công nghiệp Nhị Xuân theo các văn bản đã ký với Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh (Biên bản thỏa thuận về việc đầu nối hạ tầng kỹ thuật tại Lô A1, A2 Cụm công nghiệp Nhị Xuân, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn ngày 26 tháng 4 năm 2019; Hợp đồng cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật tại Lô A1, A2 Cụm công nghiệp Nhị Xuân, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn số 14.1/HĐ-TNXP-ĐTPT ngày 01 tháng 5 năm 2012 của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp in Tài chính). Chủ cơ sở phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc đầu nối và thoát nước thải theo đúng nội dung Biên bản thỏa thuận về việc đầu nối hạ tầng kỹ thuật tại Lô A1, A2 Cụm công nghiệp Nhị Xuân, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn.

1. Nguồn phát sinh nước thải:

a) Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt lưu lượng trung bình 18,96 m³/ngày phát sinh tại cơ sở được thu gom, xử lý bằng 08 bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích là 22m³, gồm 07 bể tự hoại có thể tích 3m³/bể và 01 bể tự hoại có thể tích 1 m³ sau đó thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 30m³/ngày đêm của cơ sở để tiếp tục xử lý.

b) Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh (từ hoạt động rửa tay, vệ sinh) của công nhân được thu gom bằng đường ống PVC D60mm nhập chung với nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh đã được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 30m³/ngày đêm của cơ sở để xử lý.

c) Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất với lưu lượng trung bình 6m³/ngày được thu gom theo đường ống dẫn PVC D114mm, sau đó qua hệ thống cống thu gom nước thải chảy về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày đêm của cơ sở để xử lý.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của Cụm Công nghiệp Nhị Xuân trên đường Số 3, Ấp 25, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (theo nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của chủ cơ sở), cụ thể như sau:

Vị trí xả nước thải: X = 1.203.381; Y = 585.505.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $30 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (24 giờ).

Phương thức xả nước thải: tự chảy.

Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của Cụm Công nghiệp Nhì Xuân theo Biên bản thỏa thuận về việc đầu nối hạ tầng kỹ thuật tại Lô A1, A2 Cụm công nghiệp Nhì Xuân, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn ngày 26 tháng 4 năm 2019; Hợp đồng cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật tại Lô A1, A2 Cụm công nghiệp Nhì Xuân, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn số 14.1/HĐ-TNXP-ĐTPT ngày 01 tháng 5 năm 2012 của Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp in Tài chính.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

a) Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh tại cơ sở được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ bằng đường ống nhựa PVC D114mm, có độ dốc $I = 2\%$ sau đó thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất $30 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ của cơ sở để tiếp tục xử lý.

b) Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh (từ hoạt động rửa tay, vệ sinh) của công nhân được thu gom bằng đường ống PVC D60mm nhập chung với nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh đã được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất $30 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ của cơ sở để xử lý.

c) Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động sản xuất được thu gom theo đường ống nhựa PVC D114mm, sau đó qua hệ thống cống thu gom nước thải chảy về hệ thống xử lý nước thải công suất $30 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ của cơ sở để xử lý.

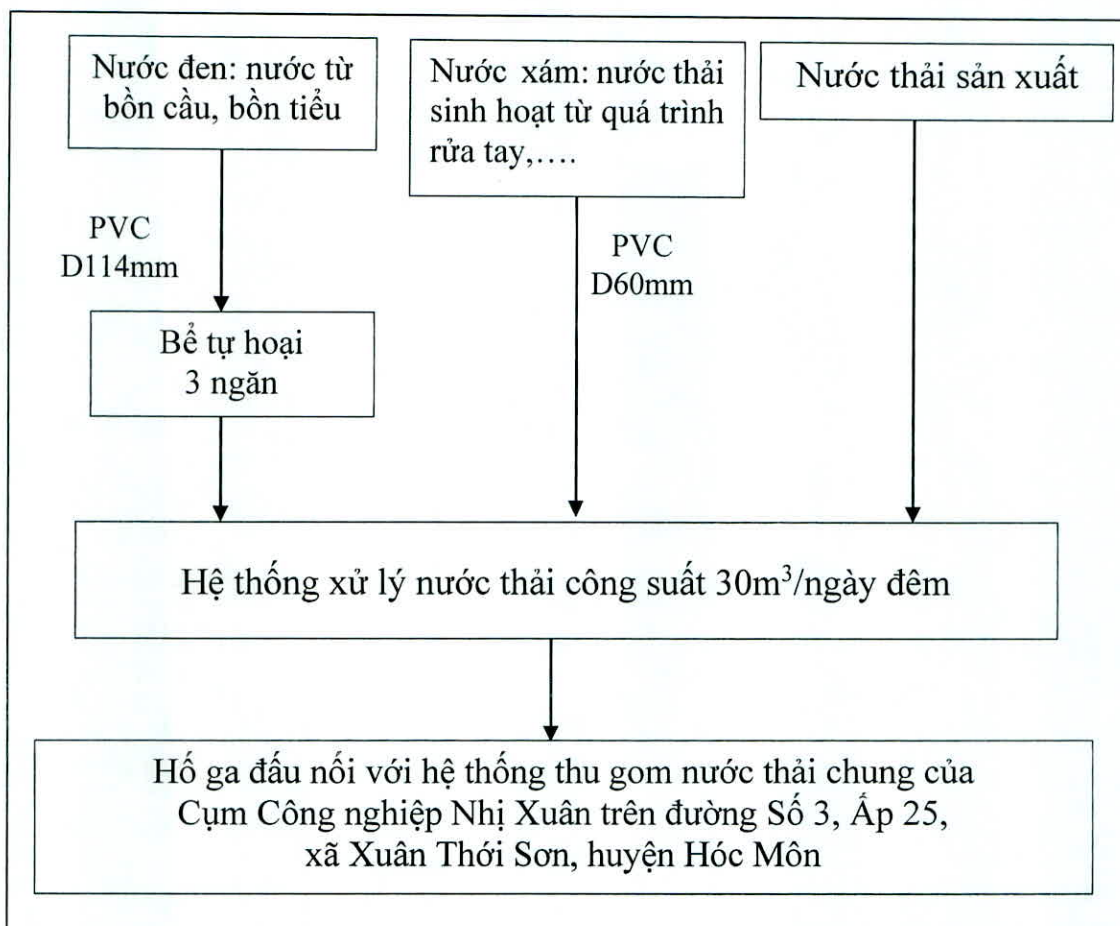
Toàn bộ lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất $30 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ tại cơ sở được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của Cụm công nghiệp Nhì Xuân tại 01 vị trí trên đường số đường Số 3, Ấp 25, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Tọa độ vị trí xả thải xác định theo tọa độ vị trí tại Biên bản thỏa thuận về việc đầu nối hạ tầng kỹ thuật tại Lô A1, A2 Cụm công nghiệp Nhì Xuân, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn ngày 26 tháng 4 năm 2019.

d) Nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của Cụm công nghiệp Nhì Xuân trên đường Số 3, Ấp 25, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của chủ cơ sở).

Ghi chú:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:****a) Bể tự hoại:**

- Tóm tắt: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh → Ngăn tiếp nhận và lắng cặn → Ngăn phân hủy yếm khí → Ngăn lắng → Bể thu gom nước thải sinh hoạt.

- Số lượng: 07 bể 3m³ và 01 bể 1m³. Thông số kỹ thuật:

Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước xây dựng: LxBxH (m)	Thể tích (m ³)	Vật liệu
Bể tự hoại khu vực xưởng sản xuất	03 bể	2,0m x 1,2m x 1,25m	3,00	BTCT
Bể tự hoại khu vực văn phòng	04 bể	2,0m x 1,2m x 1,25m	3,00	BTCT

h

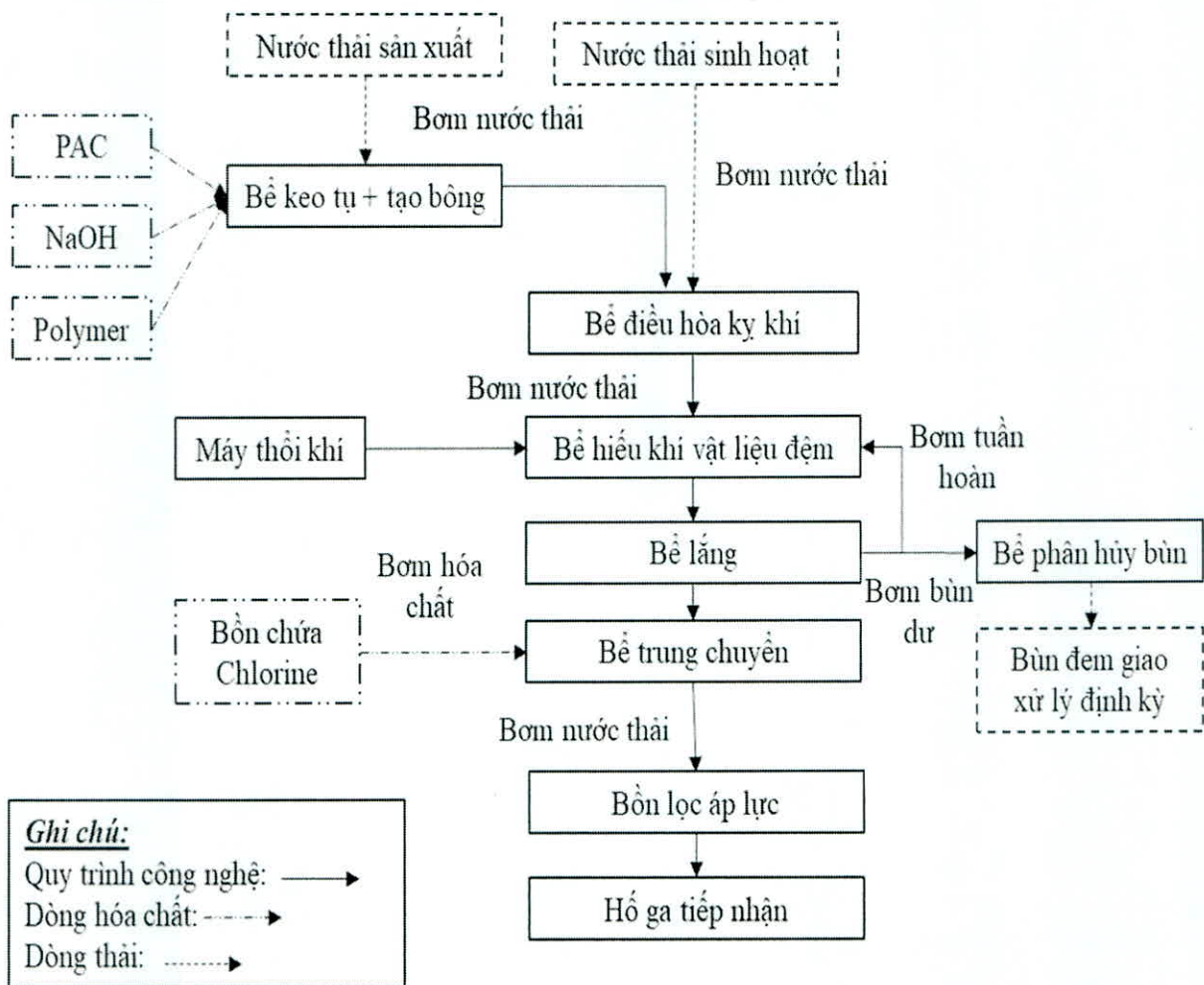
Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước xây dựng: LxBxH (m)	Thể tích (m ³)	Vật liệu
Bể tự hoại khu vực văn phòng	01 bể	1,4m x 0,8m x 0,9m	1,00	BTCT

- Tổng thể tích bể tự hoại: 22m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

b) Hệ thống xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất → Bể keo tụ, tạo bông → Nước thải sản xuất sau khi vào bể keo tụ, tạo bông + Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại 3 ngăn) → Bể điều hòa kỵ khí → Bể hiếu khí vật liệu đệm → Bể lắng → Bể phân hủy bùn → Bể trung chuyển → Bồn lọc áp lực → Hồ ga tiếp nhận.



(Theo nội dung trình bày tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của chủ cơ sở).

- Công suất thiết kế: Hệ thống xử lý nước thải có công suất 30 m³/ngày đêm (24 giờ) (theo nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của chủ cơ sở).

Lưu lượng xả thải lớn nhất: 30 m³/ngày đêm (24 giờ).

- Thông số kỹ thuật:

STT	Các hạng mục	Kết cấu/Thông số	Số lượng
1	Bể thu gom nước thải sản xuất	- Mục đích sử dụng: chứa nước thải sản xuất - Hiện trạng: bể chìm, có đặt 02 bơm nước thải. - Vật liệu: BTCT	01 bể
2	Bể keo tụ - tạo bông - lắng	- Mục đích sử dụng: keo tụ - tạo bông, xử lý hóa học - Hiện trạng: bồn đặt trên bể điều hòa kỵ khí, có lắp đặt Motor khuấy phản ứng. - Vật liệu: thép CT3.	01 bồn
3	Bể gom nước thải sinh hoạt	- Mục đích sử dụng: chứa nước thải sinh hoạt. - Hiện trạng: bể chìm, có đặt 2 bơm nước thải. - Vật liệu: BTCT	01 bể
4	Bể điều hòa kỵ khí vật liệu đệm	- Mục đích sử dụng: điều hòa lưu lượng và tải lượng dòng nước thải để cung cấp lưu lượng ổn định cho các công trình phía sau, phân hủy chất hữu cơ, khử N và P. - Hiện trạng: bể nửa chìm, có đặt 02 bơm nước thải. - Vật liệu: BTCT	01 bể
5	Bể hiếu khí vật liệu đệm	- Mục đích sử dụng: phân hủy các chất ô nhiễm bằng phương pháp sinh học hiếu khí kết hợp vật liệu đệm. - Hiện trạng: bể nửa chìm, có lắp đặt vật liệu tiếp xúc, đĩa phân phối khí và đường ống phân phối khí. - Vật liệu: BTCT	01 ngăn
6	Bể lắng	- Mục đích sử dụng: lắng bùn hoạt tính trong nước thải từ bể sinh học chảy sang. - Hiện trạng: bể nửa chìm, có lắp đặt 2 bơm bùn, 1 bơm bùn dư) - Vật liệu: BTCT	01 ngăn
7	Bể trung chuyển	- Mục đích sử dụng: hóa chất khử trùng được châm vào tại đây nhằm khử trùng, tiêu diệt các vi khuẩn gây bệnh có trong nước. - Hiện trạng: bể nửa chìm.	01 ngăn

STT	Các hạng mục	Kết cấu/Thông số	Số lượng
		- Vật liệu: BTCT	
8	Bồn lọc áp lực	- Mục đích sử dụng: lọc các cặn lơ lửng còn lại trong nước sau xử lý. - Hiện trạng: bồn đặt trong nhà chứa thiết bị. - Vật liệu: SS304 và vật liệu lọc.	01 bồn
9	Bể phân hủy bùn	- Mục đích sử dụng: phân hủy lượng bùn dư sau xử lý. - Hiện trạng: bể nửa chìm. - Vật liệu: SS304 và vật liệu lọc.	01 ngăn
10	Bồn chứa dung dịch hóa chất	- Chứa dung dịch PAC, NaOH, Polymer và Chlorine. - Vị trí: đặt trong nhà chứa thiết bị.	04 cái, 300 lít

c) Hóa chất, vật liệu sử dụng:

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, NaOH, Polymer, Chlorine (theo nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của chủ cơ sở).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Công trình ứng phó sự cố: Không có.

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí nhân viên kỹ thuật có chuyên môn phù hợp để vận hành hệ thống xử lý nước thải và tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, bổ sung hóa chất, dinh dưỡng, tăng cường sục khí khi cần thiết, lấy mẫu phân tích để theo dõi hiệu quả xử lý và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý.

- Định kỳ hút bùn từ bể tự hoại, chuyển giao bùn thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn; Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

h

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp, thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp xử lý và kịp thời ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hư hỏng thiết bị phải được kiểm tra nguồn điện cấp cho các thiết bị, kiểm tra các máy nén khí, máy bơm chìm, máy bơm định lượng, thay thế bằng thiết bị dự phòng trong trường hợp không khắc phục được.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đáp ứng yêu cầu đầu nổi nước thải của Cụm công nghiệp Nhị Xuân thì nước thải sẽ được lưu chứa trong các bể xử lý trong thời gian khắc phục sự cố, cam kết không thải nước thải chưa xử lý hoặc xử lý không đạt giới hạn tiếp nhận nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Nhị Xuân (trừ khi được sự chấp thuận của Cụm công nghiệp Nhị Xuân); đồng thời, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh phải thông báo và phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Nhị Xuân để xử lý nước thải phát sinh trong trường hợp xảy ra sự cố liên quan đến hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định và Biên bản thỏa thuận về việc đầu nổi hạ tầng kỹ thuật với Cụm công nghiệp Nhị Xuân trước khi đầu nổi với hệ thống thu gom nước thải chung của Cụm Công nghiệp Nhị Xuân trên đường Số 3, Ấp 25, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

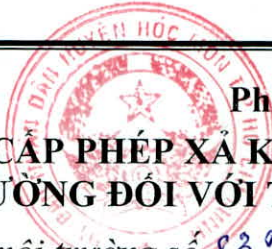
Không được phép xả nước thải chưa đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT, cột B ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở; đầu nổi đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống thoát nước thải chung của Cụm công nghiệp Nhị Xuân tại Lô A1, A2 Cụm công nghiệp Nhị Xuân, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh). Chủ cơ sở tự chịu trách nhiệm về vị trí đầu nổi xả thải theo tọa độ được xác định tại Biên bản thỏa thuận về việc đầu nổi hạ tầng kỹ thuật tại Lô A1, A2 Cụm công nghiệp Nhị Xuân, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp in Tài chính).

3.3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm Công nghiệp Nhị Xuân.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **832**/GPMT-UBND ngày **09** tháng **6** năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ máy in định hình 01.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ máy in định hình 02.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải từ máy in định hình 03.
- Nguồn số 04: Bụi, khí thải từ máy UV02.
- Nguồn số 05: Bụi, khí thải từ máy UV03.
- Nguồn số 06: Bụi, khí thải từ máy KTS01.
- Nguồn số 07: Bụi, khí thải từ máy UV01.
- Nguồn số 08: Bụi, khí thải từ máy KTS02.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp in Tài chính tại Lô A1-A2 Đường A, Cụm Công Nghiệp Nhì Xuân, Ấp 25, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải số 01 (xử lý bụi, khí thải từ các nguồn số 01, 02, 03, 04, 05, 06) sau hệ thống xử lý khí thải số 01. Tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1.203.281$; $Y = 585.433$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí thải số 02 (xử lý bụi, khí thải từ các nguồn số 07, 08) sau hệ thống xử lý khí thải số 02. Tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1.203.303$; $Y = 585.466$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $38.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải tối đa $20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải tối đa $18.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Bụi, khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải đường kính D400mm, chiều cao ống thoát khí thải sau xử lý 13m tính từ mặt đất;

xả khí thải liên tục (24 giờ) (theo nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường).

- Dòng khí thải số 02: Bụi, khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải đường kính D400mm, chiều cao ống thoát khí thải sau xử lý 13m tính từ mặt đất; xả khí thải liên tục (24 giờ) (theo nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần xuất quan trắc định kỳ	Tần xuất quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 01 và số 02					
1	Benzen (C ₆ H ₆)	mg/Nm ³	5	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ
2	Toluen (C ₆ H ₅ CH ₃)	mg/Nm ³	750		
3	Xylen (C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂)	mg/Nm ³	870		
4	Vinyl Clorua (C ₂ H ₃ Cl)	mg/Nm ³	20		
5	Formaldehyt (HCHO)	mg/Nm ³	20		

Ghi chú:

Tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép môi trường của chủ cơ sở, áp dụng QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Nếu phát sinh thành phần chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tại cơ sở: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT, trừ trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành lộ trình thực hiện sớm hơn.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

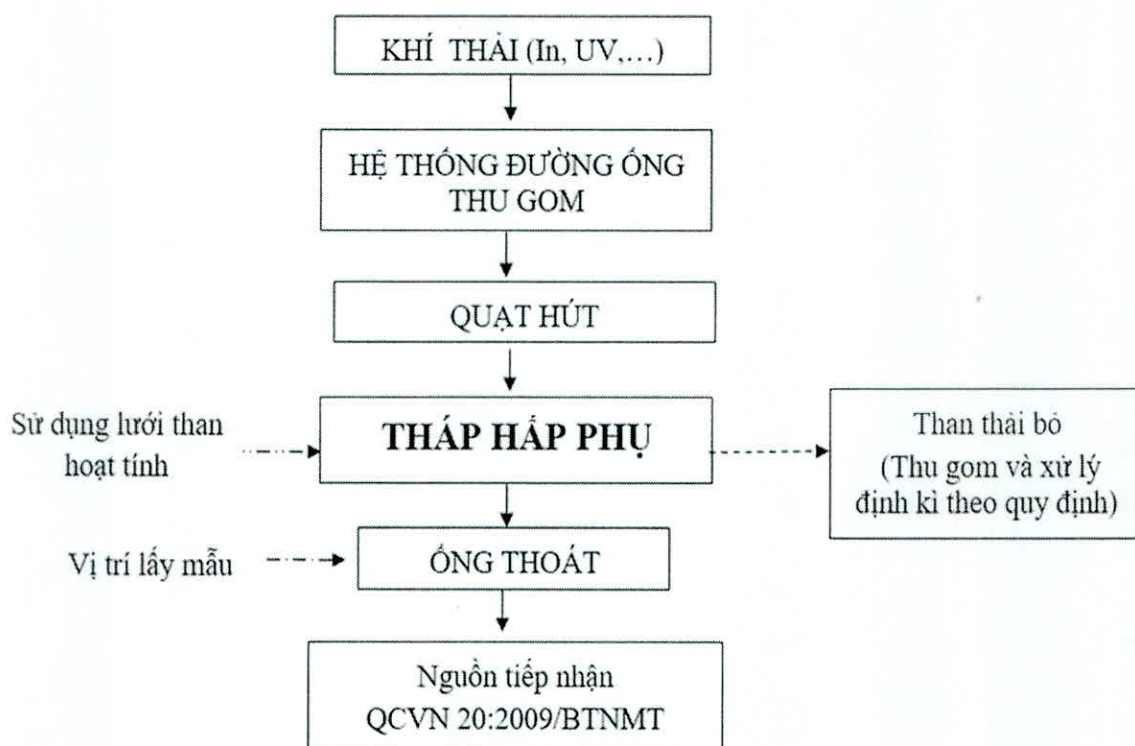
Dòng khí thải số 01: Bụi, khí thải từ các nguồn số 01, 02, 03, 04, 05, 06 sau hệ thống xử lý khí thải số 01 xả ra môi trường qua ống thoát khí thải đường kính đường kính D400mm, chiều cao ống thoát khí thải sau xử lý 13m tính từ mặt đất; xả khí thải liên tục (24 giờ) (theo nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường).

Dòng khí thải số 02: Bụi, khí thải từ các nguồn số 05, 06, 07, 08, 09 sau hệ thống xử lý khí thải số 02 xả ra môi trường qua ống thoát khí thải đường kính D400mm, chiều cao ống thoát khí thải sau xử lý 13m tính từ mặt đất; xả khí thải liên tục (24 giờ) (theo nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải:

a) Tóm tắt quy trình công nghệ:



b) Công suất thiết kế:

- Hệ thống xử lý khí thải số 1: lưu lượng 20.000m³/giờ.
- Hệ thống xử lý khí thải số 2: lưu lượng 18.000m³/giờ.

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI 1: THU GOM 03 MÁY IN ĐỊNH HÌNH 01, 02, 03; MÁY UV 02, 03; MÁY IN KTS 01 VÀ 01 THÁP HẤP PHỤ 1			

1	Quạt hút 01	Công suất: 25HP Điện áp: 380V/50Hz Lưu lượng: 15000-20000 m ³ /h Cột áp: 2500 Pa	01 cái
2	Hệ thống đường ống thu gom	Ống chính: D=600mm, dài 22m Ống nhánh : D=400mm, dài 24m ; D150mm dài 27m Vật liệu: Tole kẽm	01 hệ
3	Tháp hấp phụ 01	THÁP HẤP PHỤ 01: - Kích thước tổng: W1200 x L1500 x H1500 - Vật liệu: Tole kẽm dày 1.0mm - Than carbon dạng lưới thoáng khí. - Khung lưới đỡ than: V40, lưới ,.. Inox304, viền lưới nhựa PP.	01 hệ
4	Sàn thao tác	Diện tích: 2000 x 2000 mm Vật liệu: thép, sơn epoxy	01 cái
5	Ống thải	Đường kính: D = 400mm. Chiều cao: H=12m Vật liệu: Tole kẽm	01 cái
6	Lỗ lấy mẫu	Đường kính: D = 90mm. Chiều cao cách sàn : 700mm	02 cái

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI 2: THU GOM TỪ MÁY UV 01, KTS02

1	Quạt hút 02	Công suất: 20HP Điện áp: 380V/50Hz Lưu lượng: 10000-18000 m ³ /h Cột áp: 2500 Pa	01 cái
2	Hệ thống đường ống thu gom	Ống chính: D = 600mm, dài 13m Ống nhánh : D = 400mm, dài 16m ; D150mm dài 15m Vật liệu: Tole kẽm	01 hệ
3	Tháp hấp phụ 02	THÁP HẤP PHỤ 02: - Kích thước tổng: W1200 x L1200 x H1500 - Vật liệu: Tole kẽm dày 1.0mm - Than cacbon dạng lưới thoáng khí. - Khung lưới đỡ than: V40, lưới ,.. Inox304, viền lưới nhựa PP.	01 hệ

4	Sàn thao tác	Diện tích: 2000 x 2000 mm Vật liệu: thép, sơn epoxy	01 cái
5	Ống thải	Đường kính: D = 400mm. Chiều cao: H = 12m Vật liệu: Tole kẽm	01 cái
6	Lỗ lấy mẫu	Đường kính: D = 90mm. Chiều cao cách sàn: 600mm	02 cái

c) Hóa chất, vật liệu sử dụng:

- Hệ thống xử lý khí thải số 1: Than hoạt tính.
- Hệ thống xử lý khí thải số 2: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

a) Đảm bảo vận hành theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.

b) Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

c) Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải tại khu vực hệ thống xử lý.

d) Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải; Thường xuyên kiểm tra duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải đảm bảo hoạt động ổn định.

đ) Theo dõi, giám sát hoạt động của máy phát điện dự phòng (nếu có). Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng. Đảm bảo các thông số bụi tổng, Cacbon oxit (CO), Lưu huỳnh đioxit (SO₂), Nitơ oxit, NO_x (tính theo NO₂) theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT.

e) Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng hoạt động công đoạn có phát sinh khí thải tại hệ thống xử lý bụi, khí thải gặp sự cố cho tới khi khắc phục được sự cố và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

f) Chủ cơ sở tự chịu trách nhiệm nếu có phát sinh khí thải khác ngoài nội dung

trình bày tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải đảm bảo việc xử lý hiệu quả, đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải (quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Khi đã hoàn thành việc thực hiện xây dựng các công trình xử lý chất thải theo giấy phép môi trường; lập hồ sơ hoàn thành công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về xây dựng (có biên bản bàn giao nghiệm thu giữa chủ đầu tư, nhà thầu thi công, giám sát thi công công trình xử lý chất thải) và có quy trình vận hành bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn thành công trình xử lý chất thải.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: chủ cơ sở quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm và phải bảo đảm đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý khí thải số 01 công suất 20.000m³/giờ tại Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp in Tài chính tại Lô A1-A2 Đường A, Cụm Công Nghiệp Nhị Xuân, Ấp 25, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- 01 hệ thống xử lý khí thải số 02 công suất 18.000m³/giờ tại Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp in Tài chính tại Lô A1-A2 Đường A, Cụm Công Nghiệp Nhị Xuân, Ấp 25, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 mẫu trên thân ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải số 01 tương đương với dòng khí thải số 01.

- 01 mẫu trên thân ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải số 02 tương đương với dòng khí thải số 02.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT.

- Thông số: Benzen, Toluene, Xylen, Vinyl Clorua, Fomaldehyt.

- Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

h

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý bụi, khí thải (03 mẫu bụi, khí thải đầu ra).

Chủ cơ sở đề xuất chương trình quan trắc đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành ổn định như sau:

TT	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Loại mẫu	Chỉ tiêu	Quy chuẩn so sánh
1	01 mẫu vị trí đầu ra (trên thân ống thải) sau hệ thống xử lý khí thải số 01 tương ứng với dòng khí thải số 01	01 lần/ngày trong 03 ngày liên tiếp (03 mẫu)	Mẫu đơn	Benzen, Toluen, Xylen, Vinyl Clorua, Fomaldehyt	QCVN 20:2009/ BTNMT
2	01 mẫu vị trí đầu ra (trên thân ống thải) sau hệ thống xử lý khí thải số 02 tương ứng với dòng khí thải số 02	01 lần/ngày trong 03 ngày liên tiếp (03 mẫu)	Mẫu đơn	Benzen, Toluen, Xylen, Vinyl Clorua, Fomaldehyt	QCVN 20:2009/ BTNMT

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Không được phép xả khí thải chưa đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý chất thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

h

Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Chủ cơ sở thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở cho cơ quan cấp giấy phép môi trường (Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn) trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường (Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn) trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải phải bảo đảm đầy đủ kết quả quan trắc chất thải theo kế hoạch vận hành thử nghiệm được nêu trong giấy phép môi trường. Sau khi hoàn thành quan trắc chất thải theo số lượng, tần suất được nêu trong giấy phép môi trường, chủ cơ sở không phải tiếp tục quan trắc chất thải trong thời gian còn lại của kế hoạch vận hành thử nghiệm.

3.5. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải của cơ sở.

3.6. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý khí thải trước khi xả thải ra môi trường.

3.7. Chủ cơ sở có trách nhiệm vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo Giấy phép môi trường đã được cấp theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3.8. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 832/GPMT-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực xưởng in Typo. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X = 1.203.286, Y = 585.383.

Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực xưởng in Offset. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X = 1.203.302, Y = 585.431.

Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực tráng phủ UV. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X = 1.203.277, Y = 585.420.

Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực thành phẩm. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X = 1.203.294, Y = 585.411.

Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X = 1.203.381; Y = 585.505.

Nguồn số 06: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải số 01. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X = 1.203.265; Y = 585.445.

Nguồn số 07: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải số 02. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: X = 1.203.297; Y = 585.456.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3^0).

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
----	--	--	---------

	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	
1	70	60	Không	<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

a) Bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo định kỳ, thay những chi tiết hư hỏng, thay thế kịp thời các máy móc, thiết bị đã xuống cấp như hướng dẫn của nhà sản xuất.

b) Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

c) Công nhân làm việc tại các nơi gây ồn nhiều được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ như nút bịt tai trong suốt ca làm việc và bố trí ca luân phiên hợp lý, đảm bảo điều kiện làm việc tốt.

d) Có nội quy bãi đỗ, quản lý chặt chẽ các phương tiện giao thông ra vào bãi đỗ để giảm thiểu thời gian nổ máy xe trong bãi đỗ.

đ) Trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở để hạn chế tiếng ồn và điều hòa không khí trong khu vực cơ sở.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

a) Biện pháp kỹ thuật: Thay các bộ phận, máy móc, thiết bị phát ra rung động lớn. Kiểm tra thường xuyên và sửa chữa kịp thời các chi tiết máy bị mòn và hư hỏng hoặc gia công các chi tiết máy đặc biệt để khử rung. Nền bê tông thiết bị bằng phẳng, chắc chắn.

b) Biện pháp tổ chức sản xuất: Bố trí sản xuất làm các ca để giảm mức độ tiếp xúc với độ rung. Tạo khoảng nghỉ với thời gian hợp lý giữa các ca cho công nhân làm việc.

c) Biện pháp phòng hộ: Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: quần áo bảo hộ, găng tay, mũ, giày chống rung,... Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động làm việc tại cơ sở.

d) Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của cơ sở.

2.3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ

rung phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở.

h

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 832/GPMT-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên CTNH	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị ô nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	12.000
2	Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại	Rắn	19 03 01	2.040
3	Hộp chứa mực in (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	6.000
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	30
5	Kim loại đen thu hồi từ tro đáy không lẫn chất thải nguy hại	Lỏng	12 09 01	2.400
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	20
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	12 06 05	500
Tổng cộng				22.990

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	300.000

2	Các phế phẩm kim loại, hợp kim	--	
3	Chất thải rắn khác với các loại trên	03 05 12	
Tổng cộng			300.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	73.944

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Khu vực lưu chứa: kho lưu trữ chất thải nguy hại.
- Diện tích: 14,52 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu trữ chất thải nguy hại được bố trí là phòng kín được xây dựng nền bê tông chống thấm, có mái che bằng tole để nước mưa không xâm nhập, bố trí các Pallet nhựa bên dưới nền, có cửa khóa, có biển cảnh báo; có trang bị bình chữa cháy, vật liệu thấm hút để ứng phó khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 8 thùng chứa có dung tích 240 lít/thùng, có nắp đậy, bên ngoài thùng được dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khu vực lưu chứa: nhà kho lưu chứa.
- Diện tích: 8,25m².

- Thiết kế, cấu tạo: Nhà kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có nền bê tông, nền đủ độ bền, có cửa khóa, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có trang bị bình chữa cháy, vật liệu thấm hút để ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Thiết bị lưu chứa: Giấy phế liệu xếp gọn; Bao bì nilon nhựa phế thải được chứa trong túi nylon chống thấm đặt trên các pallet.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Khu vực lưu chứa: Nơi tập kết, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Diện tích: 5m².

- Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông cốt thép.

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 03 thùng chứa bằng nhựa có dung tích 120 lít/thùng, có nắp đậy tại khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt tập trung của cơ sở, trên thùng có dán nhãn phân loại đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

a) Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định pháp luật.

c) Chất thải rắn nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom và tập trung tại khu vực tập kết, sau đó thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1) Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2) Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3) Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì

phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.



Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 832/GPMT-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Nguồn khí thải không phải kiểm soát là khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, được thoát ra từ bề mặt hệ thống xử lý nước thải. Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

2. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc tổ chức triển khai xây dựng các hạng mục công trình của cơ sở theo đúng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo phù hợp với chủ trương đầu tư, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch về đất đai và các quy hoạch khác có liên quan, quy hoạch mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

8. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

